

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 67/2021/DS-ST

Ngày 19 – 4 – 2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Dân

Bà Trần Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên toà:
Ông Huỳnh Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 516/2020/TLST-DS, ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH HS (viết tắt là công ty HS); Địa chỉ: số C, PDL, phường Y, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Nh – Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Lê T H – Chức vụ: Trưởng nhóm Thu hồi nợ, theo giấy ủy quyền ngày 21/12/2020. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Dư T Nh, sinh năm 1985; Địa chỉ: khóm P, phường TX, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1985; Địa chỉ: khóm P, phường TX, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn yêu cầu độc lập của nguyên đơn, ông Lê T H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Vào ngày 17 tháng 4 năm 2020, ông Dư T Nh đã ký Hợp đồng tín dụng số CR017034522 với Công ty HS. Theo hợp đồng công ty HS đã cho ông Nh vay số tiền 40.000.000 đồng, hình thức vay trả góp, thời hạn vay 18 tháng, lãi suất thực tế hàng tháng là 3,43%, khoản thanh toán hàng tháng 3.135.938 đồng, ngày thanh toán đầu tiên 15/5/2020, thanh toán hàng tháng vào ngày 15, ngày thanh toán cuối cùng 15/10/2021. Theo đó, vào ngày 15 hàng tháng ông Nh phải thanh toán cho Công ty HS số tiền là 3.135.938 đồng, liên tục trong 18 kỳ là hết khoản nợ. Tuy nhiên, ông Nh chỉ thanh toán được 02 kỳ với số tiền 6.248.260 đồng, đến ngày yêu cầu độc lập 21/12/2020, ông Nh đã chậm thanh toán cho Công ty HS 08 kỳ trả góp với tổng số tiền 46.266.260 đồng, bắt đầu từ kỳ 3, đến nay ông Nh vẫn không thanh toán nợ cho công ty HS. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu ông Nh thanh toán tiền vốn gốc 36.430.527 đồng, lãi chưa thanh toán theo hợp đồng là 6.574.034 đồng, lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 3.261.699 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 46.266.260 đồng, không yêu cầu số tiền theo đơn yêu cầu độc lập là 50.989.292 đồng.

Anh Dư T Nh trình bày tại bản tự khai, Biên bản hòa giải như sau: Anh thừa nhận vào ngày 17/4/2020, anh có đứng tên vay của Công ty tài chính HS số tiền 40.000.000 đồng, mục đích để tiêu dùng trong gia đình, đã thanh toán được khoảng 10.000.000 đồng, khoản nợ còn lại anh đồng ý chị M có nghĩa vụ thanh toán.

Chị Nguyễn Thị M trình bày tại bản tự khai, Biên bản hòa giải và được bổ sung tại phiên tòa như sau: Chị xác định vợ, chồng chị có vay của Công ty HS số tiền vốn 40.000.000 đồng, về hình thức, nội dung hợp đồng đúng như nguyên đơn trình bày. Chị T Nh với trình bày của đại diện nguyên đơn là anh, chị đã thanh toán được 6.248.260 đồng, còn nợ tổng cộng vốn và lãi là 46.266.260 đồng. Chị đồng ý có nghĩa vụ thanh toán cho công ty HS khoản nợ này, không yêu cầu anh Nh cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ với chị.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí dân sự có giá ngạch: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn anh Dư T Nh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh Dư T Nh.

Vào ngày 30/3/2021, chị M rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn anh Dư T Nh. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, về việc yêu cầu ly hôn đối với anh Dư T Nh.

Về tư cách tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công ty HS giữ nguyên yêu cầu độc lập nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự thì công ty HS trở thành nguyên đơn, anh Dư T Nh trở thành bị đơn, chị Nguyễn Thị M trở thành người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu anh Dư T Nh thanh toán tiền vốn gốc 36.430.527 đồng và lãi, xét thấy nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận hợp đồng tín dụng số CR0170034522 ngày 17/4/2020 được ký kết giữa công ty HS (bên cho vay) và anh Dư T Nh (bên vay) là đúng thực tế, theo đó nội dung hợp đồng gồm: Khoản cấp vốn 40.000.000 đồng, thời hạn vay 18 tháng; lãi suất thực tế hàng tháng 3.43%; khoản thanh toán hàng tháng 3.135.938 đồng, ngày thanh toán đầu tiên 15/5/2020, thanh toán hàng tháng vào ngày 15, ngày thanh toán cuối cùng 15/10/2021. Hợp đồng được ký kết trên tinh thần tự nguyện giữa các bên nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện. Tuy nhiên quá trình vay, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn, chỉ thanh toán được 6.248.260 đồng, đến nay còn nợ gốc 36.430.527 đồng và lãi. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận có vay của nguyên đơn 40.000.000 đồng, đã trả khoảng 10.000.000 đồng, tuy nhiên ngoài lời trình bày của mình, anh Nh không đưa ra được chứng cứ chứng minh về số tiền đã thanh toán và số tiền còn nợ. Mặt khác, tại phiên tòa chị M thống nhất với ý kiến của đại diện nguyên đơn, xác định chị và anh Nh còn nợ công ty HS vốn gốc 36.430.527 đồng và chị đồng ý thanh toán khoản nợ trên. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền vốn gốc 36.430.527 đồng.

[3] Về mức lãi suất và tiền lãi: Khi vay các bên thỏa thuận mức lãi suất là 3,43%/tháng, xét thấy đây là mức lãi suất theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, các văn bản hướng dẫn thi hành và do các đương sự tự nguyện thỏa thuận nên được chấp nhận. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi chưa thanh toán theo hợp đồng là 6.574.034 đồng, nợ lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 3.261.699 đồng, tổng cộng 9.835.733 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ thanh toán: Tuy nguyên đơn chỉ yêu cầu anh Dư T Nh thanh toán khoản nợ nêu trên, không yêu cầu nghĩa vụ của chị M. Xét thấy anh Nh và chị M là vợ chồng, đang trong thời kỳ hôn nhân, tiền vay sử dụng mục đích sinh hoạt thiết yếu trong gia đình; anh Nh và chị M thỏa thuận khi ly hôn, chị M là người có

nghĩa vụ thanh toán khoản nợ này. Tuy nhiên hiện nay chị M đã rút lại yêu cầu khởi kiện đối với anh Nh nên hôn nhân vẫn tồn tại. Vì vậy, buộc anh Nh và chị M cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Dư T Nh và chị Nguyễn Thị M phải nộp theo quy định pháp luật, nguyên đơn không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 217, các Điều 228, 229 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, về việc yêu cầu ly hôn với anh Dư T Nh.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH HS, về việc yêu cầu anh Dư T Nh thanh toán tiền nợ vay.

Buộc anh Dư T Nh và chị Nguyễn Thị M cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty tài chính TNHH HS số tiền nợ vay 46.266.260 đồng, trong đó vốn gốc 36.430.527 đồng, lãi là 9.835.733 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp, hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty tài chính TNHH HS cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty tài chính TNHH HS cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty tài chính TNHH HS cho vay.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Dư T Nh và chị Nguyễn Thị M phải nộp 2.313.000 đồng, nguyên đơn không phải nộp án phí. Ngày 05/01/2021, Công ty tài chính TNHH HS đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.274.000 đồng tại biên lai số 0000449 được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0002419, ngày 28/9/2020 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân